

Bản án số: 84/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thúy Ph.

Bà Huỳnh Thị Kim Trúc L.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị H1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Th - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Cẩm Nh, sinh năm 1989; Địa chỉ: 182 ấp AL, xã ĐA, huyện LV, tỉnh ĐT. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1987; Địa chỉ: 291/18 ấp BT, xã HN, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu không hòa giải và giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Phan Thị Cẩm Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Cẩm Nh và ông Nguyễn Văn H2 do quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, sống chung hạnh phúc với nhau vào năm 2013, có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Nghĩa, huyện CL, tỉnh BT ngày 16/09/2013. Trong quá trình sống chung với nhau, cuộc sống rất hạnh

phúc, nhưng về sau những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng ngày càng phát sinh do hai bên bất đồng về quan điểm sống, bà Nh cho rằng ông H2 không chăm lo hạnh phúc gia đình. Mặc dù, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng không thể hàn gắn. Hiện tại vợ chồng đã ly thân ly thân từ năm cuối năm 2018 đến nay, bà Nh sống tại 182 ấp AL, xã ĐA, huyện LV, tỉnh ĐT, còn ông H2 sống tại 291/18 ấp BT, xã HN, huyện CL, tỉnh BT.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà Nh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn H2 và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: bà Nh và ông H2 có 2 người con chung tên Nguyễn Phan Khánh B, sinh ngày 15/02/2015 và Nguyễn Phan Băng Tr, sinh ngày 29/12/2018, hiện hai cháu đang sống chung với bà Nh. Sau khi ly hôn, bà Nh yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung, bà Nh không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi cháu Khánh B và cháu Băng Tr.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H2 vắng mặt và không có ý kiến trình bày gì.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Cẩm Nh với ông Nguyễn Văn H2. Ghi nhận bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà Nh. Ghi nhận bà Nh không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nh khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị Cẩm Nh có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa, còn bị đơn ông Nguyễn Văn H2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh, ông H2 là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Cẩm Nh và ông Nguyễn Văn H2 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Nghĩa, huyện CL, tỉnh BT vào ngày 16/9/2013 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nh cho rằng trong quá trình sống chung, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng về sau những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng ngày càng phát sinh do hai bên bất đồng quan điểm sống, ông H2 không chăm lo hạnh phúc gia đình. Bản thân ông bà đã sống ly thân từ 02 năm nay nhưng không thể hàn gắn được, hơn nữa gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không thể đoàn tụ được mà bà Nh cương quyết yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông H2. Còn ông H2 mặc dù đã được Tòa án mời đến Tòa tham dự phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên cho bà Nh và ông H2 có cơ hội hàn gắn gia đình, xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc và cùng lo cho con, ông H2 vẫn cố tình vắng mặt suốt trong quá trình hòa giải cho đến khi xét xử vụ án và không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ, bản thân ông H2 không muốn hàn gắn gia đình với bà Nh. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà Nh và ông H2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ly hôn là cách để giải thoát cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh đối với ông H2 là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3.2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà Nh và ông H2 có tạo ra 02 người con chung tên Nguyễn Phan Khánh B, sinh ngày 15/02/2015 và Nguyễn Phan Băng Tr, sinh ngày 29/12/2018, hiện hai cháu đang sống với bà Nh.

Nhận thấy, cháu Khánh B và cháu Băng Tr từ nhỏ đã được bà Nh nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo và hiện tại hai cháu đang sống chung với bà Nh và bản

thân cháu Bằng Tr cũng muốn sống chung với bà Nh. Hơn nữa, bà Nh cũng khai rằng hiện tại bà làm nghề tóc, có nguồn thu nhập ổn định, có đủ khả năng để nuôi dưỡng hai người con chung của bà và ông H2. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Khánh B và cháu Bằng Tr cho bà Nh tiếp tục nuôi dưỡng sẽ đảm bảo không xáo trộn cuộc sống của bé và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận bà Nh không yêu cầu ông H2 cấp dưỡng nuôi con đôi với cháu Khánh B và cháu Bằng Tr.

[3.3] Về tài sản và nợ chung: bà Nh khai không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không ai yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Cẩm Nh với ông Nguyễn Văn H2. Cụ thể tuyên:

Bà Phan Thị Cẩm Nh được ly hôn với ông Nguyễn Văn H2. Ghi nhận bà Nh không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Cẩm Nh được quyền trực tiếp nuôi hai người con chung của bà và ông Nguyễn Văn H2 tên Nguyễn Phan Khánh B, sinh ngày 15/02/2015 và Nguyễn Phan Bằng Tr, sinh ngày 29/12/2018 (hiện hai cháu đang sống chung với bà Nh).

Ghi nhận bà Phan Thị Cẩm Nh không yêu cầu ông Nguyễn Văn H2 cấp dưỡng nuôi con cho cháu Khánh B và cháu Bằng Tr.

3. Về tài sản và nợ chung: bà Nh khai không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không ai yêu cầu gì nên không xem xét.

4. Về án phí:

Buộc bà Phan Thị Cẩm Nh phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001522 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT, bà Nh đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A DS huyện CL;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký và đóng dấu